

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
KIÊN HÙNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *KHS-COM-OD18/2018*  
*Về Báo cáo giải trình kèm báo cáo tài chính quý*  
*II năm 2018 riêng và hợp nhất*

*Kiên Giang, ngày 14 tháng 07 năm 2018*

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội**

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG**

- Mã chứng khoán: KHS

- Địa chỉ: 14A ấp Tân Điền, xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

- Điện thoại liên hệ: 02973 912 128 Fax: 02973 912 988

- E-mail: [info@kihuseavn.com](mailto:info@kihuseavn.com)

- Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Ngọc Anh

Loại thông tin công bố:  Định kỳ  Bất thường  24h  Theo yêu cầu

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo giải trình kèm báo cáo tài chính quý II năm 2018 riêng và hợp nhất.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14/07/2018 tại đường dẫn: [www.kihuseavn.com](http://www.kihuseavn.com)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**\* Tài liệu đính kèm:**

*Báo cáo giải trình kèm báo cáo tài chính quý II năm*  
*2018 riêng và hợp nhất*

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**

**Người UQ CBTT**



**Nguyễn Ngọc Anh**

CTY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: 06/2018/KH-CBTT

V/v: Giải trình về kết quả kinh doanh theo  
các BCTC riêng và hợp nhất quý 2 năm  
2018

Kiên Giang, ngày 14 tháng 07 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY  
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP. HÀ NỘI**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hà Nội**

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG**
- Mã chứng khoán: **KHS**
- Địa chỉ trụ sở chính: 14A, Ấp Tân Điền, Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Kiên Giang.
- Điện thoại: (0297) 3912128 Fax: (0297) 3912988
- Người thực hiện công bố thông tin: **NGUYỄN NGỌC ANH**
- Điện thoại (cơ quan): (0297) 3912128 Fax: (0297) 3912988
- Loại thông tin công bố:  24 giờ  72 giờ  bất thường  yêu cầu  định kỳ

**Nội dung thông tin công bố:** Giải trình về số liệu kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2 năm 2018. Cụ thể như sau:

**I. Tại Báo cáo tài chính riêng Quý 2 năm 2018:**

Bảng so sánh lợi nhuận giữa Quý 2 năm 2018 và Quý 2 năm 2017:

Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ báo cáo		Chênh lệch	Tỷ lệ
		Quý 2/2018	Quý 2/2017		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	165,513,182,269	193,187,383,818	(27,674,201,549)	(14)
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	75,717,897	797,087,968	(721,370,071)	(91)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	165,437,464,372	192,390,295,850	(26,952,831,478)	(14)
4. Giá vốn hàng bán	11	148,989,672,145	167,392,321,871	(18,402,649,726)	(11)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	16,447,792,227	24,997,973,979	(8,550,181,752)	(34)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	793,173,436	186,199,305	606,974,131	326
7. Chi phí tài chính	22	2,307,895,830	3,174,787,366	(866,891,536)	(27)
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23	2,004,598,748	3,131,539,443	(1,126,940,695)	(36)
8. Chi phí bán hàng	25	3,247,125,260	3,913,312,744	(666,187,484)	(17)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4,295,387,201	3,987,327,609	308,059,592	8
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	7,390,557,372	14,108,745,565	(6,718,188,193)	(48)
11. Thu nhập khác	31		2,071,399	(2,071,399)	100
12. Chi phí khác	32	223,446,526	21,739	223,424,787	102776

13. Lợi nhuận khác	40	(223,446,526)	2,049,660	(225,496,186)	(11002)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	7,167,110,846	14,110,795,225	(6,943,684,379)	(49)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	49,536,498	-	49,536,498	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(49,536,498)	(49,536,498)	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	7,167,110,846	14,160,331,723	(6,993,220,877)	(49)

Lợi nhuận sau thuế quý 2 năm 2018 theo BCTC riêng của Công ty Cổ phần Kiên Hùng có kết quả lãi 7,16 tỷ đồng chênh lệch giảm 49 % so với lợi nhuận của quý 2 năm 2017, chủ yếu đến từ những nguyên nhân sau:

1. Doanh thu tiêu thụ giảm 14% so với kỳ trước, trong đó doanh thu của mặt hàng đông lạnh giảm 2,7%, doanh thu của mặt hàng bột cá giảm 11,7% đến từ sự sụt giảm về sản lượng tiêu thụ so với kỳ trước.
2. Giá vốn hàng bán giảm 11% so với cùng kỳ, giảm ít hơn so với mức giảm của Doanh thu thuần là 14%, dẫn đến tỷ lệ giá vốn/doanh thu quý 2/2018 tăng lên 90% so với mức 86,6% cùng kỳ năm 2017 nguyên nhân do sự tăng giá nguyên liệu đầu vào.

## II. Tại Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2 năm 2018:

Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ báo cáo		Chênh lệch	Tỷ lệ
		Quý 2/2018	Quý 2/2017		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	231,471,799,592	257,802,849,956	(26,331,050,364)	(10)
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	75,717,897	797,087,968	(721,370,071)	(91)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	231,396,081,695	257,005,761,988	(25,609,680,293)	(10)
4. Giá vốn hàng bán	11	210,753,925,480	231,670,996,193	(20,917,070,713)	(9)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	20,642,156,215	25,334,765,795	(4,692,609,580)	(19)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	924,190,256	302,952,297	621,237,959	205
7. Chi phí tài chính	22	4,344,401,542	4,911,099,711	(566,698,169)	(12)
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23	3,865,700,505	4,735,763,038	(870,062,533)	(18)
9. Chi phí bán hàng	25	6,907,288,986	7,667,309,365	(760,020,379)	(10)
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5,778,640,440	5,647,637,049	131,003,391	2
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	4,536,015,503	7,411,671,967	(2,875,656,464)	(39)
12. Thu nhập khác	31	-	2,071,399	(2,071,399)	(100)
13. Chi phí khác	32	223,446,526	201,513,869	21,932,657	11
14. Lợi nhuận khác	40	(223,446,526)	(199,442,470)	(24,004,056)	12
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	4,312,568,977	7,212,229,497	(2,899,660,520)	(40)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	49,536,498	-	49,536,498	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(49,536,498)	(49,536,498)	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	4,312,568,977	7,261,765,995	(2,949,197,018)	(41)
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61	5,711,294,496	10,642,063,202	(4,930,768,706)	(46)

20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	(1,398,725,519)	(3,380,297,207)	1,981,571,688	(59)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	534	995	(461)	(46)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	534	995	(461)	(46)

Lợi nhuận sau thuế quý 2 năm 2018 theo BCTC hợp nhất của Công ty Cổ phần Kiên Hùng lãi và chênh lệch giảm 41% so với cùng kỳ năm 2017, mức giảm này thấp hơn trên BCTC riêng là 49%, chủ yếu đến từ ảnh hưởng kết quả sản xuất kinh doanh của công ty con, cụ thể:

- Lợi nhuận sau thuế của công ty con AOKI âm 2,8 tỷ đồng đã giảm so với mức âm 6,9 tỷ đồng cùng kỳ, do các nguyên nhân như sau:
  - Doanh thu bán hàng tăng 3%, do tăng giá bán sản phẩm đầu ra so với cùng kỳ.
  - Giá vốn hàng bán giảm 3% so với kỳ trước, dẫn đến tỷ lệ giá vốn/doanh thu quý 2/2018 giảm còn 94% so với mức 99,5% cùng kỳ năm 2017, nguyên nhân do cùng kỳ năm trước nhà máy lắp đặt chạy thử hệ thống dây chuyền sản xuất thứ 2, nên chi phí vận hành chạy thử tăng cao.
  - Kết quả kinh doanh của quý 2/2018 vẫn còn lỗ nguyên nhân do nguyên liệu đầu vào khan hiếm, giá nguyên liệu đầu vào cao nhưng chất lượng lại xấu dẫn đến giá thành sản phẩm cao.
  - Chi phí tài chính tăng do ảnh hưởng của việc tăng lãi suất.

Dưới đây là thông tin chi tiết về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý 2 năm 2018 của công ty con – Công ty TNHH Thủy sản Aoki:

Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ báo cáo		Chênh lệch	Tỷ lệ
		Quý 2/2018	Quý 2/2017		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	69,897,379,043	67,974,227,968	1,923,151,075	3
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	69,897,379,043	67,974,227,968	1,923,151,075	3
4. Giá vốn hàng bán	11	65,703,015,055	67,637,436,152	(1,934,421,097)	(3)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	4,194,363,988	336,791,816	3,857,572,172	1145
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	131,016,820	116,752,992	14,263,828	12
7. Chi phí tài chính	22	2,036,505,712	1,736,312,345	300,193,367	17
9. Chi phí bán hàng	25	3,660,163,726	3,753,996,621	(93,832,895)	(2)
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	1,483,253,239	1,660,129,440	(176,876,201)	(11)
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(2,854,541,869)	(6,696,893,598)	3,842,351,729	(57)
14. Lợi nhuận khác	40	-	(201,492,130)	201,492,130	(100)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(2,854,541,869)	(6,898,385,728)	4,043,843,859	(59)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(2,854,541,869)	(6,898,385,728)	4,043,843,859	(59)

Trên đây là nội dung giải trình của Công ty Cổ phần Kiên Hùng về các nguyên nhân dẫn đến kết quả kinh doanh có lãi và lợi nhuận trong Quý 2 năm 2018 chênh lệch giảm lớn so với Quý 2 năm 2017.

Thông tin trên được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: <http://www.kihuseavn.com/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT



NGUYỄN NGỌC ANH